

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-PT

Ngày: **15-01-2021**

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi
và vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thuận Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 128/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020; về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020, của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị C (Bích C), sinh năm 1976

Nơi cư trú: Ấp LT, xã L Đ B, huyện CM, tỉnh A G.

Luật sư Nguyễn Thành Tới thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tấn Thành Đoàn Luật sư An Giang bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (vắng mặt);

2.2 Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp L H, xã LĐ B, huyện CM, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V là ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1982; cư trú: Ấp Tân Mỹ, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V gồm có:

1. Luật sư Trần Tiến Vinh - Văn phòng luật sư Tiến Vinh thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Địa chỉ: Số 26, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Luật sư Đỗ Hồng Thụy Vi thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Đỗ Vi (có mặt).

Địa chỉ 106 B4 Cao Thắng, phường Bình Khánh, tp Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Thành Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong vụ án (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày: Vào ngày 15/3/2016 âm lịch (âl) vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị Kim V đến nhà vay số tiền 660.000.000 đồng để mua đất, hẹn đến tháng 03/2017 (âl) trả vốn và đóng lãi nhưng không thực hiện. Ngoài ra, bà V còn tham gia hội đã hót chưa châu hội là 150.000.000 đồng. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim V và ông Nguyễn Văn N trả số tiền vay là 660.000.000 đồng và tiền hội là 150.000.000 đồng yêu cầu tính lãi đến khi xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000 đồng là tiền lãi hội do hai lần bà V hót lần thứ nhất và lần thứ hai thì bà V không phải châu và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định có nhận của bị đơn số tiền lãi vay là 50.000.000 đồng và tiền vốn hội là 25.000.000 đồng nên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đã nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: ông có hỏi tiền của bà C từ năm 2013 để cho bạn mượn hai đợt số tiền là 460.000.000 đồng, đã trả được 200.000.000 đồng là tiền lãi. Vợ ông là bà V có tham gia hội nhưng đã thanh toán gần hết. Cụ thể, ngày 20-11-2018 (âl) giao số tiền hội 75.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Vũ Thị C

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 26.500.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay là 660.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi triệu đồng); tiền hui là 123.500.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi 74.108.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng)

Bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 17-01-2020 ông Nguyễn Thành Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nợ tiền vay và nợ tiền hui; yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn N tại biên nhận nợ ngày 15-3-2016 (âl).

Kết luận giám định số 3541/C09B của Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/9/2020 có nội dung “Biên nhận nợ đề ngày 15 tháng 3 AL năm 2016 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Văn N trên 14 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M14 là do cùng một người ký, viết ra”.

Biên bản xác minh lấy lời khai ông Nguyễn Văn Thê (là anh ruột của ông Nguyễn Văn N) xác định ông N, bà V vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân, hiện đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm nhà.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền bị đơn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể, đại diện bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, có trả nhiều lần, đến lần sau cùng vào tháng 3 năm 2016 (al) còn nợ tiền lãi là 200.000.000 đồng, đồng thời vay thêm 460.000.000 đồng, như vậy còn nợ nguyên đơn là 660.000.000 đồng nhưng đã trả được 50.000.000 đồng, khấu trừ vào vốn còn nợ lại 610.000.000 đồng. Đối với tiền hót hui, thừa nhận có tham gia 2 dây hui do nguyên đơn làm chủ, có hót đầu tiên nhưng đã trả nhiều lần hui chết chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng. Ngoài ra, đại diện bị đơn xuất trình 02 tờ giấy do chính tay bà C viết đã nhận 02 lần tiền của bị đơn, 01 lần 25.000.000 đồng và 01 lần là 50.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền lợi bị đơn xác định án sơ thẩm không đưa người tham gia chơi hui chung đã nhường cho bị đơn hót vào tham gia tố tụng là thiếu chính xác. Ngoài ra, án sơ thẩm còn nhiều thiếu sót như chưa đối chất giữa những người liên quan trong việc vay tiền và chơi hui. Do đó đề nghị HĐXX

cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Hoặc nếu không hủy thì sửa theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay và tiền hui của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn xác định: Tại phiên tòa đại diện bị đơn thừa nhận khoản nợ vay 660.000.000 đồng, cho rằng trong đó nợ lãi 200.000.000 đồng và đã trả vốn được 50.000.000 đồng. Như vậy đề nghị HĐXX không nhất thiết phải chứng minh số nợ vay theo nguyên đơn yêu cầu. Ngược lại, bị đơn phải là người có nghĩa vụ chứng minh, vấn đề đặt ra là xem xét chứng cứ do phía bị đơn cung cấp tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay. Nếu không có chứng cứ thuyết phục thì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn phát biểu tranh luận: Tại giai đoạn sơ thẩm bị đơn không đưa ra 02 tờ giấy do nguyên đơn viết, bị đơn cho rằng không còn nợ, đồng thời yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn N trong biên nhận tại Công an tỉnh An Giang, sau đó Phân viện Kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Nay có kết quả bất lợi mới đưa ra thêm chứng cứ để khởi phải trả nợ. Vì vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện bị đơn phát biểu tranh luận: Ông N, bà V có vay tiền và chơi hui của bà C nhưng không còn nợ số tiền như bà khởi kiện. Tiền vay còn nợ lại 610.000.000 đồng và tiền hui chỉ còn nợ 20.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn thừa nhận còn nợ tiền vay của nguyên đơn 610.000.000 đồng và hốt hai lần hui còn nợ lại 20.000.000 đồng. Bị đơn cung cấp hai giấy ghi chót nợ do chính nguyên đơn viết nội dung nhận hai lần tiền bị đơn giao, cụ thể: “ngày 20/11/2018 ông N có trả 50.000.000 đồng” và “cậu mợ chín N vay 660.000.000 đồng, đưa 50.000.000 đồng tiền hui, đưa thêm 25.000.000 đồng tiền hui”. Như vậy, đối với khoản tiền vay, án sơ thẩm đã buộc bị đơn trả số tiền 660.000.000 đồng và tiền lãi 60.844.000 đồng (đã trừ 50.000.000 đồng) là phù hợp pháp luật. Đối với tiền hui, xác định tổng hai lần hốt là 135.000.000 đồng, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bà C thừa nhận ông N đóng 25.000.000 đồng tiền hui chết nên đã rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 25.000.000 đồng, nên tiền hui còn 110.000.000 đồng. Trong giấy ghi nợ bà C nhận thêm 50.000.000 đồng do ông N giao, nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn nợ hui là 60.000.000 đồng. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm. Về án phí, án sơ thẩm tính án phí bị đơn phải nộp chưa chính xác nên yêu cầu tính lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: ông Nguyễn Thành Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: các đương sự và đại diện các bên đều có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nội dung tranh chấp:

Giữa bà Vũ Thị C và vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi. Theo đó, khi khởi kiện, bà C cung cấp biên nhận nợ có chữ ký của ông N và sổ hụi thể hiện việc bà V hốt trước còn nợ tiền hụi chết chưa chầu. Án sơ thẩm căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các quy định Bộ Luật TTDS thụ lý giải quyết là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm:

[3.1] Đối với Hợp đồng vay tài sản: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Nguyễn Thành Q thừa nhận ông N, bà V có vay của bà C số tiền 460.000.000 đồng, nhưng ghi Biên nhận 660.000.000 đồng, (trong đó tiền lãi là 200.000.000 đồng), ông Q cung cấp giấy chốt nợ do chữ bà C viết đã trả được 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Q không chứng minh được số tiền lãi bị đơn đã trả bà C từ khi vay đến phát sinh tranh chấp nên HĐXX không có căn cứ khấu trừ vào vốn. Như vậy, số tiền 660.000.000 đồng thể hiện tại Biên nhận do nguyên đơn cung cấp, qua hai lần giám định đều kết luận đúng chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn N. Do đó án sơ thẩm căn cứ Điều 463, Điều 466 BLDS buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 660.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Về cách tính lãi, khi tính lãi số tiền vay, án sơ thẩm áp dụng Điều 468 BLDS, sau khi khấu trừ 50.000.000 đồng, tiền lãi còn 60.844.000 đồng là phù hợp. Như vậy tiền vay 660.000.000 đồng và lãi từ tháng 3 năm 2016 (al) đến ngày xét xử sơ thẩm là 60.844.000 đồng, tổng cộng là 720.844.000 đồng.

[3.2] Đối với số tiền hụi: Đại diện theo ủy quyền - ông Nguyễn Văn Q thừa nhận bị đơn có tham gia chơi hụi do bà C làm chủ (bà V tham gia một phần và nhượng lại của bà Thúy một phần), xác nhận hốt hai lần, đã đóng đủ hụi chết chỉ còn nợ số tiền 20.000.000 đồng. Ông Q cung cấp chứng cứ là giấy chốt nợ do bà C viết nội dung: “Cậu mợ chín N đưa 50.000.000 đồng tiền hụi và đưa thêm 25.000.000 đồng tiền hụi”. Tuy nhiên, ông không chứng minh được các lần khác đã trả cụ thể như thế nào mà chỉ nói chung chung còn nợ tiền hụi 20.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, án sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 471 BLDS xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “Hợp đồng góp hụi” là đúng pháp luật. Tuy nhiên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi 150.000.000 đồng nợ hụi là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm xác định số tiền hai lần bà V hốt hụi (sau khi trừ ra số tiền của người hốt) là 135.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn thừa nhận ông N đã đóng 25.000.000 đồng tiền hụi nên đã rút một phần yêu cầu khởi

kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng. Như vậy, tiền hui còn nợ lại là 110.000.000 đồng, bà C nhận thêm theo Biên nhận 50.000.000 đồng nên còn lại 60.000.000 đồng, đây là số nợ hui ông N, bà V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn và không tính lãi.

[4] Về chi phí giám định: Giai đoạn xét xử phúc thẩm, đại diện bị đơn ông Nguyễn Thành Q yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết tên của ông Nguyễn Văn N, đồng thời có nộp số tiền 5.4000.000 đồng là chi phí tố tụng. Do yêu cầu giám định không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này (Đã nộp xong).

[5] Về án phí: Án sơ thẩm buộc bị đơn nộp 18.164.000 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác. Căn cứ Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí là 35.234.000 đồng.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Vũ Thị C phải chịu án phí DSST đối với số tiền hui 50.000.000 đồng không được chấp nhận tại phiên tòa phúc thẩm.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 2 điều 148; Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành Q là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C. Cụ thể như sau:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C tự nguyện rút lại một phần yêu khởi kiện đối với số tiền 26.500.000 đồng.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay là 660.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi triệu đồng); tiền hui là 60.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 60.844.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu là 35.234.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng)

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kim V không phải chịu, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số: 0007974 và 0007975 cùng ngày 05/02/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà Vũ Thị C phải chịu án phí DSST là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.150.000 đồng (Mười tám triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng). Sau khi khấu trừ, bà C còn nhận 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên thu số 0000460 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[5] Về chi phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu tổng chi phí giám định là 9.150.000 đồng (Chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) (Đã nộp xong).

[6] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 683/2018/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới để đảm bảo việc thi hành án; bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền 34.550.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 19/12/2018 vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND.H.Chợ Mới
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thuận Tùng